

◆動画「高校進学(こうこうしんがく)について」(Tiếng Việt)

2025.7.9 Saitama Pref.

スライドの番号(ばんごう)		説明の内容(はなして いる こと)								
1	埼玉県公立高等学校の 入試について 埼玉県教育委員会県立学校部高校教育指導課	Xin chào các quý phụ huynh và học sinh. Tôi là đại diện của phòng giáo dục bậc THPT công lập hội đồng giáo dục tỉnh Saitama. Video này sẽ giải thích về quy chế tuyển sinh bậc học THPT công lập tỉnh Saitama năm Reiwa7 Video này giải thích về quy chế tuyển sinh trung học phổ thông công lập tỉnh Saitama Trường THPT chia làm 2 loại hình lớn là THPT công lập và THPT dân lập Buổi thuyết trình hôm nay về tuyển sinh THPT công lập Video này sẽ nói về các trường công lập.								
2	1 高校について	Đầu tiên là nội dung về bậc học THPT								
3	(1) 高校とは ・おもに、中学校を卒業した人たちが通うところ。 ・3年または4年間通います。 <table><tr><td>6歳～</td><td>12歳～</td><td>15歳～</td><td></td></tr><tr><td>小学校 (6年間)</td><td>中学校 (3年間)</td><td>高校 3年または4年間</td><td>進学・就職 など</td></tr></table>	6歳～	12歳～	15歳～		小学校 (6年間)	中学校 (3年間)	高校 3年または4年間	進学・就職 など	Đầu tiên 1) Cấp 3 (THPT) là gì? Sau khi tốt nghiệp THCS (cấp 2) học sinh sẽ học tiếp ở bậc học THPT (cấp 3) THPT có hệ 3 năm hoặc 4 năm
6歳～	12歳～	15歳～								
小学校 (6年間)	中学校 (3年間)	高校 3年または4年間	進学・就職 など							
4	(1) 高校とは <高校でやっていること> ①授業：Class ②部活動：Club Activities ③学校行事：School Event	Khi vào học THPT, học sinh có những trải nghiệm thú vị nhờ học văn hóa, tham gia các câu lạc bộ, hoạt động tập thể Xin phép được trình bày rõ hơn								

◆動画「高校進学(こうこうしんがく)について」(Tiếng Việt)

2025.7.9 Saitama Pref.

	スライドの番号(ばんごう)	説明の内容(はなして いる こと)
5	(1) 高校とは <高校でやっていること> ①授業：Class ・国語 地歴 公民 数学 理科 外国語（英語） 保健体育 家庭科 芸術 情報 などが勉強できる。 ・しっかり勉強しないと、進級・卒業ができない ことがあります。	Nội dung học văn hóa: Quốc ngữ, Địa lý, Công dân, Toán, Lý, Ngoại ngữ (Anh văn), Thể dục, Thường thức trong gia đình, Nghệ thuật, IT Ngoài ra có những trường dạy thêm các nội dung chuyên sâu như Nông nghiệp, Thương nghiệp, Công nghiệp Nội dung giảng dạy bằng tiếng Nhật. Nếu học sinh không chăm chỉ, cũng có thể không lên lớp hoặc không tốt nghiệp được. Học sinh cần hiểu tiếng Nhật để có thể theo được chương trình và học được nội dung trên lớp
6	(1) 高校とは <高校でやっていること> ②部活動：Club Activities ・興味のあるものについて、練習をしたり、研究する。 運動部：野球・サッカー・テニス・バスケボール 等 文化部：科学・美術・吹奏楽・コーラス 等	Sau giờ học văn hóa, học sinh tham gia Câu lạc bộ Bukatsu để rèn luyện thêm, nghiên cứu thêm theo sở thích. Thường chia ra Câu lạc bộ thể thao và Câu lạc bộ Văn hóa Câu lạc bộ thể thao có thể là Bóng chày, Bóng đá, Tennis Câu lạc bộ văn hóa là câu lạc bộ trải nghiệm các nội dung văn hóa, nghệ thuật Ví dụ như vẽ tranh, biểu diễn nhạc cụ
7	(1) 高校とは <高校でやっていること> ③学校行事：School Event ・学校で行うイベント 遠足・体育祭・文化祭・講演会 等 ・年間を通して、いろいろな行事が行われる。	Hoạt động tập thể là các hoạt động diễn ra ở trường. Ví dụ như đi thăm quan, ngày hội thể thao, ngày hội văn hóa, biểu diễn văn nghệ Học sinh cùng bạn bè được tham gia rất nhiều hoạt động thú vị Nhiều hoạt động khác nhau sẽ được tổ chức trong suốt năm học.
8	(2) 高校の種類 高校 - 全日制 - 定時制 - 通信制	Tiếp theo xin giới thiệu mục số 2) Các loại trường Cấp 3 THPT công lập có 3 loại Học cả ngày, Học chia thời gian, Học từ xa

◆動画「高校進学(こうこうしんがく)について」(Tiếng Việt)

2025.7.9 Saitama Pref.

	スライドの番号(ばんごう)	説明の内容(はなして いる こと)						
9	(2) 高校の種類 ① 全日制 <table border="1" data-bbox="193 439 608 539"> <thead> <tr> <th>学校にいる時間</th><th>勉強時間</th><th>卒業まで</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>午前 8 : 4 0 頃 午後 3 : 4 0 頃</td><td>6 時間 程度</td><td>3 年</td></tr> </tbody> </table>	学校にいる時間	勉強時間	卒業まで	午前 8 : 4 0 頃 午後 3 : 4 0 頃	6 時間 程度	3 年	Hệ học cả ngày bắt đầu từ 8h40 sáng. Một ngày học khoảng 6 tiếng. Kết thúc giờ học 15h40. Tốt nghiệp sau 3 năm học
学校にいる時間	勉強時間	卒業まで						
午前 8 : 4 0 頃 午後 3 : 4 0 頃	6 時間 程度	3 年						
10	(2) 高校の種類 ② 定時制 学校によっていろいろな形がある。 ア 1つの学校に、夜からはじまる定時制がある イ 1つの学校に、朝から夜までを、 3つに分けてはじまる定時制がある ウ 1つの学校に、朝から夜までを、 2つに分けてはじまる定時制がある	Hệ học theo buổi có nhiều hình thức khác nhau từ y từng trường. Có thể có khung giờ học bắt đầu từ buổi tối, hoặc chia thời gian từ sáng đến tối thành 2 đến 3 ca.						
11	(2) 高校の種類 ② 定時制 <夜間定時制> = 夜からはじまる定時制 <table border="1" data-bbox="193 1395 612 1496"> <thead> <tr> <th>学校にいる時間</th><th>勉強時間</th><th>卒業まで</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>午後 5 : 3 0 頃 午後 9 : 0 0 頃</td><td>4 時間 程度</td><td>4 年</td></tr> </tbody> </table>	学校にいる時間	勉強時間	卒業まで	午後 5 : 3 0 頃 午後 9 : 0 0 頃	4 時間 程度	4 年	ở Saitama trường học loại này thường là học buổi tối Bắt đầu học từ 17h30. Một buổi học 4 tiếng Kết thúc lúc 21h Tốt nghiệp sau 4 năm học.
学校にいる時間	勉強時間	卒業まで						
午後 5 : 3 0 頃 午後 9 : 0 0 頃	4 時間 程度	4 年						
12	(2) 高校の種類 ② 定時制 <三部制> <table border="1" data-bbox="193 1868 612 1984"> <thead> <tr> <th>学校にいる時間</th><th>勉強時間</th><th>卒業まで</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>I 部 (午前) II 部 (午後) III 部 (夜間)</td><td>各 4 時間 程度 他の部の授業を組み合わせることができる</td><td>3 ~ 4 年</td></tr> </tbody> </table>	学校にいる時間	勉強時間	卒業まで	I 部 (午前) II 部 (午後) III 部 (夜間)	各 4 時間 程度 他の部の授業を組み合わせることができる	3 ~ 4 年	Ngoài ra có trường chia thành 3 ca 1- Sáng, ca 2- Chiều, ca 3 – Tối Có trường chia thời gian thành 3 ca Mỗi ca học 4 tiếng Thường thì hệ chia giờ như thế này sẽ học trong 4 năm Học sinh có thể kết hợp học nhiều ca với nhau để tốt nghiệp sau 3 năm
学校にいる時間	勉強時間	卒業まで						
I 部 (午前) II 部 (午後) III 部 (夜間)	各 4 時間 程度 他の部の授業を組み合わせることができる	3 ~ 4 年						

	スライドの番号(ばんごう)	説明の内容(はなして いる こと)								
13	(2) 高校の種類 ② 定時制 <二部制> <table border="1"> <thead> <tr> <th>学校にいる時間</th><th>勉強時間</th><th>卒業まで</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>I 部 (午前～午後) II 部 (午後～夜間)</td><td>4～6 時間程度</td><td rowspan="2">3～4 年</td></tr> <tr> <td>I 部 (午前～午後) II 部 (夜間)</td><td>他の部の授業を組み合わせて行うことができる</td></tr> </tbody> </table>	学校にいる時間	勉強時間	卒業まで	I 部 (午前～午後) II 部 (午後～夜間)	4～6 時間程度	3～4 年	I 部 (午前～午後) II 部 (夜間)	他の部の授業を組み合わせて行うことができる	Hệ 2 ca là trường THPT chia giờ học thành 2 ca Thời gian học từ 4 đến 6 tiếng Tùy vào thời khóa biểu, thời gian học ở trường sẽ có thay đổi Do vậy học sinh có thể tốt nghiệp sau 3 hoặc 4 năm học
学校にいる時間	勉強時間	卒業まで								
I 部 (午前～午後) II 部 (午後～夜間)	4～6 時間程度	3～4 年								
I 部 (午前～午後) II 部 (夜間)	他の部の授業を組み合わせて行うことができる									
14	(2) 高校の種類 ③ 通信制 <table border="1"> <thead> <tr> <th>学校にいる時間</th><th>勉強時間</th><th>卒業まで</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>月に2～3回 通学</td><td>家で勉強して レポート提出</td><td>3～4 年</td></tr> </tbody> </table>	学校にいる時間	勉強時間	卒業まで	月に2～3回 通学	家で勉強して レポート提出	3～4 年	Hệ học từ xa là chế độ không bắt buộc đến trường hàng ngày. Học sinh học và làm bài tập tại nhà Bài tập được giao 2-3 lần/ tháng. Khi có kiểm tra học sinh sẽ đến trường. Cũng giống với học hệ chia giờ, học sinh học hệ từ xa sẽ tốt nghiệp sau 3 hoặc 4 năm học Mỗi trường học là loại hình khác nhau có đặc điểm riêng Vì thế để chọn được trường phù hợp, phụ huynh và học sinh cần hiểu rõ đặc điểm của trường.		
学校にいる時間	勉強時間	卒業まで								
月に2～3回 通学	家で勉強して レポート提出	3～4 年								
15	2 学校の特色を知ろう	Hiểu được đặc điểm của trường, học sinh sẽ tìm được ngôi trường mình sẽ theo học Vậy phải làm thế nào để hiểu được các đặc điểm của trường.								
16	「学校説明会」 ・学校の雰囲気・授業・部活動・進路実績など、それぞれの学校の特色を知ることができる。 ・8月、9月に多くの学校で実施 ・説明会の日程は、各学校のHPをチェック	Câu trả lời là “Buổi giới thiệu về trường ” Qua buổi thuyết trình của trường, phụ huynh và học sinh có thể biết được nội dung học, hoạt động ngoài giờ, thành tích tốt nghiệp, không khí của trường đó Thường các trường hay tổ chức hoạt động giới thiệu trường vào tháng 8,9 Lịch của các buổi này sẽ tùy mỗi trường. Xin hãy tham khảo thông tin trên trang web của trường Để tìm được trường như nguyện vọng, phụ huynh và o học sinh nên đến thật nhiều buổi giới thiệu của các trường.								

◆動画「高校進学(こうこうしんがく)について」(Tiếng Việt)

2025.7.9 Saitama Pref.

スライドの番号(ばんごう)		説明の内容(はなして いる こと)		
17	3 入学試験について	Tiếp theo tôi xin trình bày về kì thi tuyển sinh		
18	(1) 試験を受けることができる人 ・日本か外国の中学校を卒業した人、または 受検する年の3月に卒業する予定がある人 ・中学校卒業と同じくらいの学力があると、認められた人 ※詳細は、受検する年度の実施要項をみてください	Thí sinh được dự thi kì thi tuyển sinh THPT của tỉnh Saitama là người đáp ứng điều kiện sau Học sinh đã tốt nghiệp THCS tại Nhật hoặc nước ngoài và Học sinh dự kiến tốt nghiệp THCS vào tháng 3 năm Reiwa 7 Học sinh đã tốt nghiệp THCS tại Nhật hoặc nước ngoài và học sinh dự kiến tốt nghiệp THCS vào cuối tháng 3 năm dự thi. Người có học lực tương đương học sinh tốt nghiệp THCS Nếu đáp ứng 1 trong 2 điều kiện trên, thí sinh có thể tham gia dự thi tuyển sinh Cụ thể xin vui lòng xem tài liệu hướng dẫn tổ chức kỳ thi v.v. của năm mà bạn sẽ dự thi.		
19	○ 日本の中学校を卒業していない人 「出願資格認定」を受ける必要があります。 <問合せ先> <table><tr><td>県立学校人事課 学事担当</td><td>電話 048-830-6735</td></tr></table>	県立学校人事課 学事担当	電話 048-830-6735	Với thí sinh “không tốt nghiệp THCS tại Nhật Bản” cần phải được cấp giấy “Đủ tư cách nộp hồ sơ” Đây là chứng nhận thí sinh này có được tham gia kì thi tuyển sinh THPT hay không Khi thí sinh được chứng nhận đủ tư cách nộp hồ sơ, thí sinh này sẽ được tham gia thi Xin hãy liên hệ với phụ trách Giáo dục Phòng Nhân sự trường công lập tỉnh về “chứng nhận đủ tư cách nộp hồ sơ”
県立学校人事課 学事担当	電話 048-830-6735			

◆動画「高校進学(こうこうしんがく)について」(Tiếng Việt)

2025.7.9 Saitama Pref.

2023.7.9 Saitama Pref.

スライドの番号(ばんごう)		説明の内容(はなして いる こと)		
20	(2) 入学試験(入試) 受検する年度の実施要項をみてください。 以下のホームページに掲載されます。 埼玉県公立高等学校入学者選抜情報 https://www.pref.saitama.lg.jp/f2208/nyuushi.html ※高校進学情報リーフレットにも掲載しています。 	Về thông tin liên quan đến thời gian và các môn thi, v.v. xin vui lòng xem tài liệu hướng dẫn tổ chức kỳ thi của năm mà bạn sẽ dự thi. Tài liệu hướng dẫn tổ chức kỳ thi được đăng tải trên trang web của tỉnh. Ngoài ra tờ rơi thông tin thi lên cấp 3 cũng được đăng tải trên đó.		
21	○ 「入学試験」について ・在籍する中学校の先生に相談するか 以下の担当まで問い合わせください。 <問合せ先> <table><tr><td>高校教育指導課 入学者選抜担当</td><td>電話 048-830-6766</td></tr></table> 	高校教育指導課 入学者選抜担当	電話 048-830-6766	Nếu có gì không hiểu về kì thi tuyển sinh, hãy trao đổi với giáo viên trường cấp 2 (THCS) mà con đang theo học hoặc liên hệ với người phụ trách học sinh tiến cử nhập học, Ban chỉ đạo giáo dục của trường cấp 3 (THPT) Tuy nhiên, vì chỉ có thể dùng được tiếng Nhật nên xin hãy đi cùng người nói được tiếng Nhật. Xin cảm ơn quý phụ huynh và học sinh đã theo dõi video
高校教育指導課 入学者選抜担当	電話 048-830-6766			